**MA TRẬN ĐỀ THI HỌC CUỐI HỌC KÌ II**

**NGỮ VĂN 8**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | **TN** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **2** | **1** | **2** | **1** | **0** | **2** | **0** | **0** | **50** |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **1\*** | **0** | **2\*** | **50** |
| **Tổng** | | | **20** | **10** | **20** | **10** | **0** | **20** | **0** | **20** | **100%** |
| **Tỉ lệ %** | | | **30%** | | **30%** | | **20%** | | **20%** | |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | **40%** | | | |

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ THI GIỮA HỌC KÌ I**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ chủ đề** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Thơ Đường luật | **Nhận biết:**  - Nhận biết được một số yếu tố thi luật của thơ thất ngôn bát cú và thơ tứ tuyệt Đường luật như: bố cục, niêm, luật, vần, nhịp, đối.  - Nhận biết được đặc điểm của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Thông hiểu**:  - Hiểu được cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Phân tích được tác dụng của biện pháp tu từ đảo ngữ từ tượng hình, từ tượng thanh.  **Vận dụng:**  - Biết trân quý, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống. | 2TN  1TL | 2TN  1TL | 2TL |  |
| **2** | **Viết** | Viết bài văn phân tích một tác phẩm văn học | **Nhận biết:**  - Xác định được kiểu bài nghị luận văn học.  - Xác định được bố cục bài văn, văn bản cần nghị luận.  **Thông hiểu:**  - Trình bày rõ ràng các khía cạnh của văn bản.  - Nêu được chủ đề, dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật được dùng trong tác phẩm.  **Vận dụng:**  **-** Vận dụng những kỹ năng tạo lập văn bản, vận dụng kiến thức của bản thân về những trải nghiệm văn học để viết được bài văn nghị luận văn học hoàn chỉnh đáp ứng yêu cầu của đề.  - Nhận xét, rút ra bài học từ trải nghiệm của bản thân.  **Vận dụng cao**:  - Có lối viết sáng tạo, hấp dẫn lôi cuốn; kết hợp các yếu tố miêu tả, biểu cảm để làm nổi bật ý của bản thân với vấn đề cần bàn luận.  - Lời văn sinh động, giàu cảm xúc, có giọng điệu riêng. |  |  |  | 1TL\* |
| **Tổng số câu** | | |  | **2TN**  **1TL** | **2TN**  **1TL** | **2TL** | **1TL** |
| **Tỉ lệ (%)** | | |  | **30%** | **30%** | **20%** | **20%** |
| **Tỉ lệ chung** | | |  | **60%** | | **40%** | |

**Đề bài:**

**Phần I. Đọc hiểu (6 điểm)**

Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

**THƯƠNG VỢ**

Quanh năm buôn bán ở mom sông,

Nuôi đủ năm con với một chồng.

Lặn lội thân cò khi quãng vắng,

Eo sèo mặt nước buổi đò đông.

Một duyên, hai nợ, âu đành phận,

Năm nắng, mười mưa, dám quản công.

Cha mẹ thói đời ăn ở bạc:

Có chồng hờ hững cũng như không!

[[1]](https://lediem.net/2023/03/30/trac-nghiem-bai-tho-thuong-vo/#_ftnref1) **Trần Tế Xương** (1870-1907) thường gọi là Tú Xương, quê ở Nam Định. Tuy chỉ sống 37 năm và chỉ đỗ tú tài, nhưng sự nghiệp thơ ca của ông trở thành bất tử.

[[2]](https://lediem.net/2023/03/30/trac-nghiem-bai-tho-thuong-vo/#_ftnref2) **Mom sông**: phần đất ở bờ nhô ra phía lòng sông, nơi thuận tiện thuyền bè qua lại và người dân thường tụ tập mua bán.

[[3]](https://lediem.net/2023/03/30/trac-nghiem-bai-tho-thuong-vo/#_ftnref3) **Eo sèo**: kì kèo, kêu ca, phàn nàn một cách khó chịu.

**Câu 1**. Bài thơ trên thuộc thể thơ nào?

A. Thất ngôn bát cú đường luật

B. Thất ngôn tứ tuyệt đường luật

C. Thất ngôn xen lục ngôn

D. Song thất lục bát

**Câu 2**. Dòng nào sau đây được xem là chủ đề của bài thơ *Thương vợ*?

A. Đây là bài thơ trữ tình hay nhất của thơ văn trung đại viết về người vợ.  
B. Bài thơ tỏ niềm cảm thông sâu sắc với thân phận người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến không có niềm hạnh phúc gia đình “một duyên hai nợ”.  
C. Ngợi ca người vợ đảm đang, chịu thương, chịu khó, lam lũ và giàu đức hy sinh. Đồng thời thể hiện tình cảm thương quý, biết ơn của nhà thơ đối với vợ.

D. *Thương vợ* bộc lộ nỗi đau thầm kín của nhà thơ vì vỡ mộng công danh, đành để vợ con vất vả, nghèo khổ.

**Câu 3**. Tú Xương gửi gắm tâm sự gì qua hai câu thơ “Một duyên hai nợ âu đành phận/ Năm nắng mười mưa dám quản công”?

A. Tình yêu chung thủy của ông đối với người vợ của mình.

B. Sự biết ơn của ông Tú đối với công lao của bà Tú.

C. Sự trân trọng của ông đối với tình yêu chung thủy của bà Tú.

D. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú.

**Câu 4**. Nghĩa của từ “hờ hững” trong câu “Có chồng hờ hững cũng như không” là:

A. Chỉ có cái vẻ bên ngoài hoặc trên danh nghĩa, chứ sự thật không phải.

B. (Làm việc gì) tỏ ra chỉ là làm lấy có, không có sự chú ý.

C. (Làm việc gì) chỉ sự thờ ơ có cũng như không

D. Tỏ ra lạnh nhạt trong quan hệ tình cảm, không chút để ý đến.

**Câu 5** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong hai câu thơ:

*Lặn lội thân cò khi quãng vắng*

*Eo sèo mặt nước buổi đò đông.*

A. Nhân hóa

B. Đảo ngữ

C. So sánh

D. Hoán dụ

**Câu 6. *Đọc hiểu Thương vợ***

**Trần Tế Xương mượn hình ảnh “con cò” trong ca dao để nói lên điều gì?**

A. Sự vất vả, lận đận của mình

B. Tình cảm của tác giả gắn với quê hương, ruộng đồng của tác giả.

C. Những người nông dân nghèo khổ.

D. Nỗi vất vả, khổ cực của bà Tú - người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ

**Câu 7. *Đọc hiểu Thương vợ***

**Hai câu luận trong Thương vợ đã sử dụng sáng tạo:**

A. Tục ngữ “năm nắng mười mưa” và “một duyên hai nợ”

B. Thành ngữ “năm nắng mười mưa” và “một duyên hai nợ”

C. Danh ngôn “năm nắng mười mưa” và “một duyên hai nợ”

D. Ca dao “năm nắng mười mưa” và “một duyên hai nợ”

**Câu 8. *Đọc hiểu Thương vợ***

**Đáp án nào không phải là giá trị nội dung bài thơ Thương vợ của Tú Xương**

A. Thương vợ là bài thơ chan chứa niềm yêu thương nồng hậu của nhà thơ đối với người vợ hiền thảo

B. Thương vợ là một bài thơ thế sự

C. Trong Thương vợ, Tú Xương nói lên sự vô tích sự của mình và đề cao người vợ “chịu thương chịu khó”

D. Thương vợ là bài thơ tâm sự của nhà thơ

**Câu 9. 1 điểm. *Đọc hiểu Thương vợ hiểu Thương vợ***

Nhận xét về tình cảm của ông Tú dành cho bà Tú qua bài thơ trên (trong đó có sử dụng ít nhất 1 thành phần biệt lập)?

Câu 10. 1 điểm: Từ hình ảnh bà Tú trong văn bản trên, em có suy nghĩ gì về hình ảnh người phụ nữ trong xã hội phong kiến?

**PHẦN II: LÀM VĂN** (4.0 điểm)

Viết bài văn phân tích tác phẩm truyện *“Người mẹ và Thần chết”* của Andersen.

**NGƯỜI MẸ VÀ THẦN CHẾT**

1. Bà mẹ chạy ra ngoài, hớt hải gọi con. Suốt mấy đêm ròng [[1]](#footnote-1)thức trông con ốm, bà vừa thiếp đi[[2]](#footnote-2)một lúc, Thần Chết đã bắt nó đi.

Thần Đêm Tối đóng giả một bà cụ mặc áo choàng đen, bảo bà:

– Thần Chết chạy nhanh hơn gió và chẳng bao giờ trả lại những người đã cướp đi đâu.

Bà mẹ khẩn khoản [[3]](#footnote-3)cầu xin Thần chỉ đường cho mình đuổi theo Thần Chết. Thần Đêm Tối chỉ đường cho bà.

2. Đến một ngã ba đường, bà mẹ không biết phải đi lối nào. Nơi đó có một bụi gai băng tuyết bám đầy. Bụi gai bảo:

– Tôi sẽ chỉ đường cho bà, nếu bà ủ ấm tôi.

Bà mẹ ôm ghì bụi gai vào lòng để sưởi ấm nó. Gai đâm vào da thịt bà, máu nhỏ xuống từng giọt đậm. Bụi gai đâm chồi, nảy lộc và nở hoa ngay giữa mùa đông buốt giá. Bụi gai chỉ đường cho bà.

3. Bà đến một hồ lớn. Không có một bóng thuyền. Nước hồ quá sâu. Nhưng bà nhất định vượt qua hồ để tìm con. Hồ bảo:

– Tôi sẽ giúp bà, nhưng bà phải cho tôi đôi mắt. Hãy khóc đi, cho đến khi đôi mắt rơi xuống!

Bà mẹ khóc, nước mắt tuôn rơi lã chã[[4]](#footnote-4), đến nỗi đôi mắt theo dòng lệ xuống hồ, hóa thành hai hòn ngọc. Thế là bà được đưa đến nơi ở lạnh lẽo của Thần Chết.

4. Thấy bà, Thần Chết ngạc nhiên, hỏi:

– Làm sao ngươi có thể tìm đến tận nơi đây?

Bà mẹ trả lời:

– Vì tôi là mẹ. Hãy trả con cho tôi!

***Người mẹ và Thần Chết***– Truyện cổ Andersen*[[5]](#footnote-5)*Nguồn: Tiếng Việt lớp 3, tập 1, trang 29, NXB Giáo dục Việt Nam – 2020

----------------------------- **Hết** ----------------------------

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Phần I. Đọc hiểu (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **Câu 1** | A. Thất ngôn bát cú đường luật | 0,5 điểm |
| **Câu 2** | C. *Ngợi ca* người vợ đảm đang, chịu thương, chịu khó, lam lũ, giàu đức hy sinh. Đồng thời thể hiện tình cảm thương quý, biết ơn của nhà thơ đối với vợ. | 0,5 điểm |
| **Câu 3** | D. Sự trân trọng của ông đối với tấm lòng và đức độ của bà Tú. | 0,5 điểm |
| **Câu 4** | D. Tỏ ra lạnh nhạt trong quan hệ tình cảm, không chút để ý đến. | 0,5 điểm |
| **Câu 5** | B. Đảo ngữ |  |
| **Câu 6** | D. Nỗi vất vả, khổ cực của bà Tú - người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ |  |
| **Câu 7** | B. Thành ngữ “năm nắng mười mưa” và “một duyên hai nợ” |  |
| **Câu 8** | B. Thương vợ là một bài thơ thế sự |  |
| **Câu 9** | **Tình cảm của ông Tú dành cho bà Tú qua bài thơ trên có dùng thành phần biệt lập:**  + Có lẽ, ông Tú là người thương và cảm thông với vợ nên đã thấu hiểu nỗi vất vả của vợ, người tần lo cho gi gia đình.  + Tự trách mình là người chồng vô tích sự, không giúp ích được gì cho bà Tú. | 1,0 |
| **Câu 10** | ***Đọc*** Vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ Việt Nam qua hình ảnh bà Tú:  - Người phụ nữ Việt Nam luôn cần cù, chăm chỉ lao động trong cuộc sống dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, có khó khăn đến đâu.  - Dù cuộc sống, công việc của họ có gặp phải nhiều khó khăn nhưng ở họ vẫn luôn giữ được tinh thần lạc quan, sự cần mẫn, chăm chỉ vốn có của mình.  - Họ là những người không được lựa chọn cuộc đời, số phận cho mình, họ chỉ được cách chấp nhận số phận của mình được người khác sắp đặt và cố gắng hòa nhập với cuộc sống ấy.  - Người phụ nữ Việt Nam dù có gặp phải người chồng hờ hững hay tệ bạc cũng vẫn luôn giữ cho mình nhân phẩm cao đẹp vốn có để chấp nhận và cùng chung sống.***hiểu T*** | 1,0 |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **II** |  | **Viết bài văn phân tích tác phẩm truyện “Người mẹ và Thần Chết”** | **4.0** |
| *a. Đảm bảo cấu trúc bài văn nghị luận* | **0.25** |
| *b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Viết bài văn nghị luận về tác phẩm truyện* | **0.25** |
| *c. Triển khai hợp lí nội dung* | **3.5** |
| **Mở bài:**  - Dẫn dắt, giới thiệu ngắn gọn về tác giả, tác phẩm văn học cần phân tích  - Nêu ý kiến khái quát về tác phẩm.  **Thân bài:**  *- Nêu nội dung chính của tác phẩm:*  Câu chuyện “*Người mẹ và Thần Chết”* kể lại hành trình tìm lại con của người mẹ ở nơi ngự trị của Thần Chết, qua đó ca ngợi tình mẫu tử thiêng liêng sâu nặng của người mẹ dành cho đứa con, mẹ sẵn sàng hy sinh tất cả, thậm chí cả tính mạng để dành lấy đứa con của mình từ tay của Thần Chết. *- Ý nghĩa/giá trị của chủ đề:*  Tình mẫu tử to lớn của người mẹ vượt lên trên cả giới hạn bản thân.  *- Chủ đề được thể hiện rõ nét qua nhân vật người mẹ.*  Người mẹ là một người rất mực yêu con: Người mẹ được đặt vào tình huống đặc biệt, khi đứa con của mình bị Thần Chết cướp đi mất. Sau khi khẩn khoản cầu xin Thần Đêm Tối, bà bước vào hành trình đi tìm con. Bà phải vượt qua nhiều trở ngại trên đường đi để đổi lấy chỉ dẫn (bụi gai, hồ nước). Bà đã chấp nhận tất cả, dù có phải chịu đau đớn về thể xác (*gai đâm vào da thịt bà, máu nhỏ xuống từng giọt đậm),* thậm chí chấp nhận mất đi đôi mắt vĩnh viễn cho hồ nước *(bà mẹ khóc, nước mắt tuôn rơi lã chã, đến nỗi đôi mắt theo dòng lệ xuống hồ, hóa thành hai hòn ngọc*). Sự can đảm, tình yêu con vô bờ bến của người mẹ khiến Thần Chết cũng phải *“ngạc nhiên”*, bất ngờ.  Người mẹ là người vô cùng dũng cảm, vì yêu con mà mẹ sàng đi tìm Thần Chết, giành lại đứa con từ tay Thần Chết dẫu được khuyên là không thể, đó là sự đấu tranh giữa con người – Thần Chết (một vị thần có quyền lực, con người ai ai cũng khiếp sợ)  *- Một số đặc sắc nghệ thuật:*  Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện đặc sắc; nghệ thuật xây dựng nhân vật, nhân vật được khắc hoạ trên những phương diện cử chỉ, lời nói, qua đó thấy được người mẹ trong truyện có nhiều phẩm chất đáng quý như yêu thương con, dũng cảm,..; Truyện còn có những yếu tố kì bí, dân gian như các vị Thần *(Thần Chết, Thần Đêm Tối)* – những vị thần có quyền năng >< con người *(người mẹ)* từ đó góp phần tô đậm phẩm chất nhân vật; ngôn ngữ kể chuyện giản dị, dễ hiểu.  - Ý nghĩa của tác phẩm:  Ca ngợi tình yêu cao thượng của người mẹ dành cho con  **Kết bài:**  Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa của tác phẩm; ấn tượng của bản thân về tác phẩm. | **0.5**  **0.5**  **0.5**  **1.0**  **1.0**  **0.5** |
| - Sáng tạo: Có ý tưởng sáng tạo trong cách diễn đạt  - Chính tả: Chuẩn chính tả, ngữ pháp, ngữ nghĩa Tiếng Việt. | **0.25**  **0.25** |

**LƯU Ý KHI CHẤM BÀI:**

- Trên đây là những hướng dẫn cơ bản về kiến thức và kỹ năng. Trong quá trình chấm bài, giám khảo cần linh hoạt trong việc vận dụng hướng dẫn chấm để đánh giá tổng quát bài làm của thí sinh, tránh đếm ý cho điểm một cách máy móc.

- Cần khuyến khích những bài làm có tính sáng tạo, nội dung bài viết có thể không trùng với yêu cầu trong hướng dẫn chấm nhưng lập luận thuyết phục, văn phong sáng rõ.

1. Mấy đêm ròng: mấy đêm liền [↑](#footnote-ref-1)
2. Thiếp đi: lả đi hoặc chợp mắt ngủ do quá mệt [↑](#footnote-ref-2)
3. Khẩn khoản: cố nói để người khác đồng ý với yêu cầu của mình [↑](#footnote-ref-3)
4. Lã chã: (mồ hôi hoặc nước mắt) chảy nhiều và kéo dài. [↑](#footnote-ref-4)
5. Andersen là nhà văn vĩ đại của Đan Mạch thế kỉ XIX. Ông nổi tiếng với loại truyện kể dành cho trẻ em, nhiều truyện ông biên soạn lại từ truyện cổ tích nhưng cũng có những truyện do ông hoàn toàn sáng tạo ra. Truyện của ông thường nhẹ nhàng, toát lên tình yêu thương con người, đượm màu sắc hư ảo và thơ mộng, thể hiện niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cái tốt đẹp trên thế gian. [↑](#footnote-ref-5)